

THỰC TRẠNG HỌC XÁC SUẤT THỐNG KÊ THEO HÌNH THỨC HỌC TẬP KẾT HỢP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH NĂM HỌC 2023 - 2024

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng học tập môn Xác suất Thống kê theo hình thức học tập kết hợp của sinh viên ngành Y khoa, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, năm học 2023-2024.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 580 sinh viên năm thứ 3 ngành Y khoa năm học 2023-2024, đã học module Dịch tễ. Một bảng câu hỏi khảo sát được sử dụng để thu thập số liệu.

Kết quả: 77,1% đối tượng nghiên cứu thấy thích thú khi học Xác suất Thống kê theo hình thức học tập kết hợp; 100% sinh viên có công cụ học tập điện tử là máy tính hoặc điện thoại thông minh; Phần lớn sinh viên (70,7%) dành thời gian tự học từ 2 đến 8 giờ với các nội dung tự học chủ yếu là ôn tập bài cũ, làm bài tập về nhà, học trước bài học và hoàn thành các nhiệm vụ tự học.

Kết luận: Bài báo cung cấp thực trạng, giúp giảng viên đề xuất các giải pháp nhằm phát triển chương trình đào tạo môn học Xác suất Thống kê theo hình thức học tập kết hợp nhằm nâng cao hiệu quả học tập cho sinh viên Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

Từ khóa: học tập kết hợp, Xác suất Thống kê, sinh viên y khoa.

THE PRACTICE ON BLENDED LEARNING OF LEARNING PROBABILITY AND STATISTICS AT THAI BINH UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY THE ACADEMIC YEAR 2023 - 2024

ABSTRACT

Objective: Describing the learning practice of medical students at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy on blended learning of Probability and Statistics.

Method: A cross-sectional study was conducted on 580 third-year medical undergraduate students, who finished the final exam of the Epidemiology module during 2023-24 academic year. A

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

*Tác giả liên hệ: Trần Thị Thu Hà

Email: tranhaytb@gmail.com

Ngày nhận bài: 17/7/2024

Ngày phản biện: 19/8/2024

Ngày duyệt bài: 25/8/2024

Trần Thị Thu Hà^{1*}, Vũ Thị Lê¹, Ngô Mạnh Tường¹

questionnaire was used as the data collection instrument.

Results: The results showed that 77.1% of students were interested to learn Probability and Statistics with blended learning; 100% of students have e-learning tools such as computers or smartphones; 70.7% of students spend 2 to 8 hours of self-learning time with contents includes reviewing, doing homework, pre-learning and completing learning tasks.

Conclusion: The article provides the actual situation to help lecturers propose methods to develop a learning model based on blended learning of Probability and Statistics, to improve learning efficiency for medical students at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy.

Keywords: blended learning, Probability and Statistics, medical students.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xác suất Thống kê đóng vai trò quan trọng trong thu thập thông tin, ra quyết định và nghiên cứu khoa học. Trong chương trình đào tạo chuyên ngành Y khoa tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Xác suất Thống kê là môn học thuộc module Dịch tễ, được giảng dạy cho sinh viên năm thứ 3 với thời lượng tương đương 20 giờ chuẩn. Mục tiêu của môn học là cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về Xác suất và Thống kê, giúp sinh viên vận dụng được các kiến thức này vào việc học tập kiến thức chuyên ngành và cập nhật thông tin khoa học trong lĩnh vực y dược.

Xác suất Thống kê là một môn học khó, trừu tượng. Với thời lượng hạn chế, nếu không có phương pháp, cách thức giảng dạy thích hợp thì sinh viên khó có thể tiếp thu kiến thức, đảm bảo mục tiêu học tập. Để nâng cao khả năng hỗ trợ người học, bộ môn Toán Tin đã áp dụng mô hình học tập kết hợp trong dạy học Xác suất Thống kê cho sinh viên chuyên ngành Y khoa.

Học tập kết hợp là một cách tiếp cận hiện đại để phát triển chương trình giảng dạy trong đó kết hợp linh hoạt hai hình thức học tập điện tử và học tập trực tiếp [1]. Trong đó, học tập điện tử là hình thức học tập qua đó người học có thể tự học mọi

lúc, học mọi nơi thông qua các học liệu điện tử đa phương tiện (lời giảng, lời thuyết minh, âm thanh, hình ảnh, video, đồ họa...). Các hình thức học tập như m-Learning (học thông qua thiết bị di động: điện thoại thông minh, máy tính bảng, màn hình tương tác), u-Learning (học thông qua các phương thức tương tác thực tế ảo diễn ra bất kỳ nơi nào), hay smart-Learning (phương tiện học tập thông minh) đều là các hình thái của HTĐT [1].

Mục đích của học tập kết hợp là làm cho việc học trở nên linh hoạt và có hiệu quả đối với người học. Một số nghiên cứu trên thế giới và tại Việt Nam đã khẳng định, trong lớp học Xác suất Thống kê, học tập kết hợp là một sự thay thế hữu ích cho lớp học truyền thống (trực tiếp) [2], [3] [4]. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào về dạy học Xác suất Thống kê theo hình thức học tập kết hợp tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Bài báo này mô tả thực trạng học tập môn Xác suất Thống kê theo hình thức học tập kết hợp của sinh viên ngành Y khoa, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, năm học 2023-2024, giúp đưa ra những đánh giá và đề xuất nhằm phát triển chương trình môn học cũng như cân nhắc việc vận dụng hình thức học tập kết hợp với các đối tượng khác trong Nhà trường.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên năm thứ 3 ngành Y khoa, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, năm học 2023-2024.

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Sinh viên năm thứ 3 ngành Y khoa, đã học module Dịch tễ tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình trong thời gian nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:**

- + Sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu;
- + Sinh viên thuộc đối tượng học bù, học lại, thi lại.

2.1.2. Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

2.1.3. Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 9/2023 đến tháng 5/2024.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện theo thiết kế mô tả cắt ngang.

2.2.2. Cỡ mẫu và chọn mẫu:

- Chọn mẫu thuận tiện.
- Chọn mẫu gồm toàn bộ SV năm thứ 3, ngành Y khoa, khóa 51, Trường ĐHYDTB, năm học 2023-

2024 thỏa mãn tiêu chuẩn lựa chọn đối tượng nghiên cứu, thực tế chọn được $n = 580$.

2.2.3. Phương pháp thu thập số liệu: Số liệu được thu thập bằng bảng câu hỏi khảo sát đã được chuẩn bị trước, bộ câu hỏi gồm hai phần: thông tin chung về đối tượng nghiên cứu và thực trạng học tập Xác suất Thống kê theo hình thức học tập kết hợp.

2.2.4. Biến số trong nghiên cứu:

- Nhóm biến số về thông tin chung của đối tượng nghiên cứu: lớp, giới tính, đối tượng (sinh viên Việt Nam hay Lưu học sinh).

- Nhóm biến số về thực trạng học tập Xác suất Thống kê theo hình thức học tập kết hợp: công cụ học tập điện tử, kĩ năng công nghệ thông tin, nội dung tự học, thời gian tự học, thái độ đối với học tập trực tiếp và đối với môn học.

2.2.5. Quy trình tiến hành nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành theo tiến trình sau:

- Hình thức học tập kết hợp kết hợp học tập trực tiếp trên lớp và học tập điện tử trong môn học Xác suất Thống kê được áp dụng với sinh viên năm thứ 3, chuyên ngành Y khoa. Môn học gồm 06 bài học, phân bổ trong 05 tuần học theo lịch trình giảng dạy của Nhà trường. Trước mỗi tuần học, giảng viên cung cấp cho sinh viên hướng dẫn tự học, giao nội dung học tập và các nhiệm vụ học tập cho sinh viên. Sinh viên sẽ tự học trước nội dung lý thuyết cơ bản trên cơ sở tài liệu học tập và video bài giảng do giảng viên cung cấp. Để đảm bảo sinh viên tự học nghiêm túc, trước mỗi buổi học trực tiếp, giảng viên yêu cầu sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập như trả lời câu hỏi pretest, làm bài tập hay thảo luận,... Mỗi nhiệm vụ học tập đều được hạn định về thời gian, có kiểm tra kết quả và gửi phản hồi cho sinh viên để thông báo tiến trình cũng như kết quả của tuần học. Tại lớp học trực tiếp, giảng viên tập trung vào các nội dung khó, sinh viên và giảng viên cùng trao đổi làm rõ hơn các vấn đề mà sinh viên thắc mắc, giải bài tập và vận dụng các bài tập vào các tình huống thực tiễn. Cuối buổi học trực tiếp, giảng viên hướng dẫn SV làm bài tập tự lượng giá sau bài học và đưa ra những ý tưởng, những hoạt động tạo tiền đề để khởi động quy trình học tập kết hợp của bài giảng tiếp theo trong chương trình học.

- Sau khi sinh viên thi kết thúc module Dịch tễ, bảng câu hỏi khảo sát được chuyển tới sinh viên nhằm thu thập những thông tin về thực trạng học tập Xác suất Thống kê theo hình thức học tập kết hợp. Do sinh viên giữ vị trí trung tâm trong học tập

kết hợp nên những thông tin về thực trạng học tập. Xác suất Thống kê theo hình thức học tập kết hợp là những yếu tố về sinh viên.

- Phân tích số liệu và trình bày kết quả nghiên cứu.

2.2.6. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được nhập bằng phần mềm Epidata 3.1 và phân tích bằng phần mềm SPSS 20. Số liệu được xử lý theo thống kê mô tả bằng bảng, biểu đồ kết hợp với phiên giải, bàn luận.

2.3. Đạo đức nghiên cứu

Đề cương nghiên cứu đã được Hội đồng khoa học Trường Đại học Y Dược Thái Bình thông qua.

Nghiên cứu hoàn toàn không gây tổn hại cho đối tượng tham gia nghiên cứu. Mục đích và nội dung của nghiên cứu được thông báo cụ thể cho mọi đối tượng nghiên cứu, mọi thông tin được cung cấp chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu này.

Kết quả nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Thông tin	Nam		Nữ		Tổng	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Sinh viên Việt Nam	214	94,3	332	94,1	546	94,1
Lưu học sinh	13	5,7	21	5,9	34	5,9
Tổng	227	100	353	100	580	100

Nhận xét: Kết quả Bảng 1 cho thấy sinh viên Y khoa khoá 51 tham gia nghiên cứu chủ yếu là sinh viên Việt Nam, chiếm 94,1%, lưu học sinh chỉ chiếm 5,9%. Sinh viên nữ chiếm tỉ lệ 60,9%. Tỉ lệ lưu học sinh ở nhóm sinh viên nam và sinh viên nữ ở tương đối giống nhau (5,7% và 5,9%).

Bảng 2. Điều kiện học tập điện tử của sinh viên (n = 580)

Điều kiện học tập điện tử		Số lượng	Tỉ lệ (%)
Công cụ học tập điện tử	Máy tính cá nhân	411	70,9
	Điện thoại thông minh	322	55,5
	Máy tính hoặc điện thoại thông minh	580	100
	Internet tại trường	141	24,3
	Internet tại nơi ở	17	2,9
Kĩ năng công nghệ thông tin	Thành thạo	119	20,6
	Trung bình	412	71,0
	Kém	49	8,4

Kết quả Bảng 2 cho thấy 100% sinh viên có công cụ học tập điện tử là máy tính hoặc điện thoại thông minh; trong đó 70,9% sử dụng máy tính cá nhân và 55,5% sử dụng điện thoại thông minh. Tỉ lệ sinh viên truy cập internet tại nơi ở hoặc tại trường thấp: chỉ có 24,3% truy cập internet tại nơi ở và 2,9% truy cập internet tại trường. Phần lớn sinh viên tham gia khảo sát (71%) cho rằng mình có kĩ năng công nghệ thông tin ở mức độ trung bình, chỉ có 20,6% cho rằng họ thành thạo công nghệ thông tin.

Bảng 3. Quan điểm của sinh viên về vai trò của học trực tiếp (n=580)

		Không quan trọng		Ít quan trọng		Quan trọng		Rất quan trọng	
		n	%	n	%	n	%	n	%
Giới tính	Nam (n=227)	11	4,8	61	26,9	75	33,1	80	35,2
	Nữ (n=353)	2	0,6	100	28,3	123	34,8	128	36,3
	Tổng (n= 580)	13	2,2	161	27,8	198	34,1	208	35,9
p		0,009							

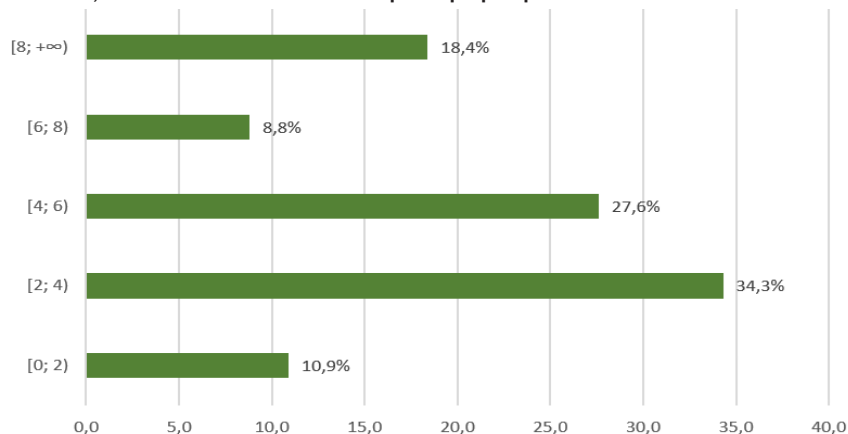
		Không quan trọng		Ít quan trọng		Quan trọng		Rất quan trọng	
		n	%	n	%	n	%	n	%
Kĩ năng công nghệ thông tin	Thành thạo (n=119)	7	5,9	35	29,3	31	26,1	46	38,7
	Trung bình (n=412)	6	1,5	113	27,4	145	35,2	148	35,9
	Kém (n=49)	0	0,0	13	26,5	22	44,9	14	28,6
	Tổng (n=580)	13	2,2	161	27,8	198	34,1	208	35,9
p		0,025							
Thái độ	Thích (n=447)	8	1,8	123	27,5	140	31,3	176	39,4
	Không thích (n=133)	5	3,8	38	28,6	58	43,6	32	24,1
	Tổng (n=580)	13	2,2	161	27,8	198	34,1	208	35,9
p		0,005							

Kết quả Bảng 3 cho thấy 35,9% sinh viên cho rằng học trực tiếp khi học Xác suất Thống kê theo hình thức học tập kết hợp là rất quan trọng; 34,1% cho rằng quan trọng; 27,8% cho rằng ít quan trọng và 2,2% cho rằng không quan trọng. Quan điểm của sinh viên về vai trò của học trực tiếp theo giới tính, kĩ năng công nghệ thông tin, và sự yêu thích môn học khác nhau có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Bảng 4. Nội dung tự học môn Xác suất thống kê của sinh viên (n = 580)

Nội dung tự học	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Ôn tập bài cũ	338	58,3
Làm bài tập về nhà	318	54,8
Học trước bài	389	67,1
Hoàn thành các nhiệm vụ tự học	295	50,9

Kết quả Bảng 4 cho thấy 58,3% sinh viên dành thời gian ôn tập bài cũ; 54,8% làm bài tập về nhà; 67,1% học trước bài học và 50,9% hoàn thành các nhiệm vụ tự học.



Biểu đồ 1. Thời gian tự học trung bình mỗi tuần của sinh viên (n = 580)

Kết quả Biểu đồ 1 cho thấy 10,9% sinh viên dành dưới 2 giờ; 34,3% dành từ 2 đến 4 giờ; 27,6% dành từ 4 đến 6 giờ; 8,8% dành từ 6 đến 8 giờ và 18,4% dành trên 8 giờ mỗi tuần cho hoạt động tự học môn học Xác suất Thống kê. Phần lớn sinh viên (70,7%) dành thời gian tự học từ 2 đến 8 giờ.

Bảng 5. Thời gian tự học môn Xác suất Thống kê trung bình mỗi tuần của sinh viên theo nhóm (n = 580)

Phân nhóm		Trung bình	Khoảng tin cậy 95%	p
Theo giới tính	Nam (n=227)	5,1 ± 5,6	(4,4; 5,9)	0,699
	Nữ (n=353)	5,0 ± 4,4	(4,5; 5,4)	
Theo thái độ	Thích môn học (n = 447)	5,1 ± 4,6	(4,7; 5,6)	0,28
	Không thích môn học (n = 133)	4,6 ± 5,8	(3,6; 5,6)	
Theo kĩ năng công nghệ thông tin	Thành thạo (n = 119)	6,0 ± 6,7	(4,6; 7,2)	0,000
	Trung bình (n = 412)	5,0 ± 4,5	(4,5; 5,4)	
	Kém (n = 49)	3,2 ± 2,4	(2,5; 3,8)	

Kết quả Bảng 6 cho thấy thời gian tự học trung bình mỗi tuần của sinh viên nam và sinh viên nữ, của nhóm sinh viên yêu thích môn học và của nhóm sinh viên không thích môn học tương đương nhau ($p > 0,05$). Thời gian tự học trung bình mỗi tuần của sinh viên khác nhau có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) theo kĩ năng công nghệ thông tin. Những sinh viên thành thạo công nghệ thông tin có thời gian tự học trung bình mỗi tuần dài nhất ($6,0 \pm 6,7$ mỗi tuần), tiếp đến là sinh viên có kĩ năng công nghệ thông tin ở mức trung bình ($5,0 \pm 4,5$ mỗi tuần) và mức kém ($3,2 \pm 2,4$ mỗi tuần).

Bảng 6. Thái độ của sinh viên khi học Xác suất Thống kê theo mô hình học tập kết hợp

Thái độ	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Thích	447	77,1
Không thích	133	22,9
Tổng	580	100

Kết quả Bảng 5 cho thấy phần lớn sinh viên thấy thích thú khi học Xác suất Thống kê theo hình thức học tập kết hợp, chiếm tỉ lệ 77,1% và 22,9% không thích học môn học này theo mô hình học tập kết hợp.

IV. BÀN LUẬN

Học tập kết hợp là một hình thức tổ chức dạy học hết sức linh hoạt, sử dụng hiệu quả những tiện ích của công nghệ dựa trên những ưu điểm của phương thức học tập truyền thống (học tập trực tiếp) và học tập điện tử. Sau khi áp dụng hình thức học tập kết hợp trong giảng dạy Xác suất Thống kê cho sinh viên năm thứ ba, khóa 51, ngành Y khoa, năm học 2023 – 2024, chúng tôi khảo sát thực trạng học tập của 580 sinh viên đã tham gia thi kết thúc module Dịch tễ và đủ tiêu chuẩn lựa chọn tham gia nghiên cứu này. Hầu hết đối tượng nghiên cứu là sinh viên Việt Nam (94,1%) và đa phần là sinh viên nữ (60,9%).

Sự khác biệt cơ bản giữa học tập kết hợp và học tập trực tiếp truyền thống là hoạt động học tập điện tử. Đối với học tập điện tử, tất cả đều diễn ra với sự hỗ trợ của công nghệ. Vì vậy, công cụ học tập điện tử và kĩ năng công nghệ thông tin của người học là một trong những điều kiện tiên quyết. Kết quả khảo sát cho thấy, 100% đối tượng nghiên cứu đã có sẵn công cụ để học tập điện tử là máy tính cá nhân hoặc điện thoại thông minh. Máy tính cá nhân là thiết bị được sinh viên sử dụng nhiều nhất. Vẫn còn nhiều sinh viên không sử dụng máy tính cá nhân, chỉ sử dụng điện thoại thông minh để học tập điện tử. Điện thoại thông minh là thiết bị di động kết hợp điện thoại di động và các chức năng

điện toán di động. Ngoài các chức năng chính của điện thoại như cuộc gọi thoại và nhắn tin văn bản, điện thoại thông minh có phần cứng mạnh hơn, hệ điều hành mở rộng, cài đặt được nhiều ứng dụng, internet cùng với chức năng đa phương tiện (bao gồm âm nhạc, video, máy ảnh và chơi game). Việc sử dụng điện thoại thông minh có thể là giảm sự tập trung khi học gặp điện tử. Bên cạnh công cụ điện tử, internet là một yếu tố quan trọng trong học tập điện tử. Mặc dù vậy, tỉ lệ sinh viên truy cập internet tại nơi ở hoặc tại trường thấp: chỉ có 24,3% truy cập internet tại nơi ở và 2,9% truy cập internet tại trường. Còn lại gần 75% sinh viên phải tự trang bị internet riêng cho mình hoặc sử dụng offline khi học tập điện tử. Trong khi đó, phần lớn sinh viên tham gia khảo sát cho rằng bản thân có kĩ năng công nghệ thông tin ở mức độ trung bình (71%), chỉ có 20,6% tự đánh giá ở mức thành thạo công nghệ thông tin, còn lại 8,4% nhận định kĩ năng công nghệ thông tin ở mức kém. Những kĩ năng công nghệ thông tin trong học tập kết hợp Xác suất Thống kê chủ yếu gồm: (1) Sử dụng và truy cập dễ dàng các phần mềm/ứng dụng học tập; (2) Tìm kiếm thông tin trực tuyến và (3) Thực hiện kĩ năng tin học văn phòng cơ bản. Có thể thấy vẫn còn những sinh viên chưa chuẩn bị đủ để sẵn sàng học tập điện tử.

Một thành phần quan trọng của học tập kết hợp là học tập trực tiếp. Sau khi học tập kết hợp, 70% sinh viên cho rằng học trực tiếp khi học Xác suất Thống kê theo hình thức học tập kết hợp là quan trọng và rất quan trọng, có 27,8% cho rằng học tập trực tiếp ít quan trọng và 2,2% cho rằng không quan trọng. So với học tập truyền thống, học tập trực tiếp là không thể thay thế, một phần nội dung học tập trực tiếp đã được thay thế bởi học tập điện tử và tự học. Hơn nữa, quan điểm của sinh viên về vai trò của học tập trực tiếp khác nhau theo giới tính, kĩ năng công nghệ thông tin và thái độ của sinh viên đối với môn học. Tỉ lệ sinh viên nhận định rằng học trực tiếp không quan trọng của nam cao hơn của nữ (4,8% so với 0,6%). Tỉ lệ sinh viên nhận định rằng học trực tiếp không quan trọng của sinh viên thành thạo kĩ năng công nghệ thông tin cao hơn của sinh viên có kĩ năng công nghệ thông tin trung bình/kém (5,9% so với 1,5%). Tỉ lệ sinh viên nhận định rằng học trực tiếp không quan trọng của sinh viên không thích môn Xác suất Thống kê cao hơn của sinh viên thích học môn học này (3,8% so với 1,8%).

Học tập kết hợp đòi hỏi sinh viên phải học tập chủ động và tự học. Về nội dung tự học, có 58,3% sinh viên dành thời gian ôn tập bài cũ; 54,8% làm bài tập về nhà; 67,1% học trước bài học; 50,9% hoàn thành các nhiệm vụ tự học. Điều này phù hợp với môn học Xác suất Thống kê, là môn học khó, có nhiều công thức phức tạp, nhiều khái niệm trừu tượng và nhiều bài tập. Để ghi nhớ, hiểu và áp dụng được các công thức, khái niệm buộc sinh viên phải dành nhiều thời gian ôn tập bài cũ, làm bài tập về nhà. Hơn nữa, hoàn thành các nhiệm vụ tự học và học trước bài học để chuẩn bị tốt cho buổi học trực tiếp là yêu cầu bắt buộc để học tập tốt môn học theo hình thức học tập kết hợp. Tuy nhiên có thể thấy, tỉ lệ thực hiện các nội dung tự học chưa đủ cao, chưa vượt quá hai phần ba số sinh viên tham gia nghiên cứu. Về thời gian tự học, có 70,7% sinh viên dành từ 2 giờ đến 8 giờ, 18,4% sinh viên dành trên 8 giờ mỗi tuần để tự học môn Xác suất Thống kê trước mỗi buổi học 4 tiết trên lớp. Kết quả này cao hơn kết quả nghiên cứu của Ngô Mạnh Tường và cộng sự (2023) là 31,9% sinh viên Y khoa năm thứ ba năm học 2022 – 2023 Trường Đại học Y Dược Thái Bình có thời gian tự học môn Xác suất Thống kê từ 2 giờ đến 8 giờ mỗi tuần, còn lại là dưới 2 giờ [4]. Theo quy chế đào tạo tín chỉ đại học thì trung bình mỗi giờ học trên lớp sinh viên cần dành thời gian tự học ít nhất 2 giờ, tức sau mỗi buổi học 4 tiết trên lớp sinh viên cần tự học trong ít nhất 8 giờ. Với thời gian tự học như trên, có rất nhiều sinh viên không thể hoàn thành các yêu cầu học tập điện tử, hoàn thành nhiệm vụ tự học, dẫn đến khó theo kịp bài giảng trên lớp học trực tiếp.

Yếu tố cuối cùng được quan tâm là thái độ của sinh viên khi học Xác suất Thống kê theo mô hình học tập kết hợp. Có 77,1% sinh viên thấy thích thú khi học Xác suất Thống kê theo mô hình học tập kết hợp. So với nghiên cứu của Ngô Mạnh Tường và cộng sự [4], chỉ có 24,8% sinh viên năm thứ 3 ngành Y khoa, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, năm học 2022-2023 cảm thấy yêu thích môn học khi học Xác suất Thống kê, thì tỉ lệ ở nghiên cứu này cao hơn rất nhiều. Điều này có thể do nghiên cứu của Ngô Mạnh Tường và cộng sự đã đo thái độ sinh viên ở ba mức độ có yêu thích, bình thường và không thích, còn ở nghiên cứu này chúng tôi đo thái độ của sinh viên ở hai mức độ có yêu thích hoặc không. Mặt khác, thái độ của sinh viên đối với môn học còn được thể hiện thông qua các hoạt động học tập như nhận định được tầm quan trọng của học tập trực tiếp, học tập điện tử, dành nhiều

thời gian hơn cho tự học hay hoàn thành các nhiệm vụ tự học. Ngoài ra, nhiều nghiên cứu quốc tế chỉ ra rằng so với học tập trực tiếp, sinh viên hài lòng hơn với học tập kết hợp [5] [6]. Học tập kết hợp phù hợp hơn với việc dạy học ở bậc đại học: tăng cường hiệu quả học tập, khuyến khích tạo ra một môi trường linh hoạt, năng động, sáng tạo và thúc đẩy sự tự học, tự nghiên cứu đối với người học. Người học hài lòng và có thái độ tích cực đối với việc học, tham gia tích cực vào quá trình học tập, vì thế sẽ có kết quả khả quan đối với các bài kiểm tra quá trình cũng như bài thi kết thúc học phần.

Như vậy, khảo sát thực trạng học tập môn Xác suất Thống kê theo hình thức học tập kết hợp của sinh viên ngành Y khoa, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, năm học 2023-2024 cho thấy, điều kiện học tập kết hợp của sinh viên đã được đảm bảo ở mức độ tương đối. Tuy nhiên, công cụ học tập điện tử, internet vẫn là vấn đề cần phải quan tâm. Đặc biệt, sinh viên chưa thấy tự tin về kỹ năng công nghệ thông tin của mình. Phần lớn sinh viên đã ý thức được các công việc chủ yếu của học tập kết hợp, bao gồm học tập điện tử, học tập trực tiếp và tự học. Tuy nhiên, vẫn cần thúc đẩy hơn để sinh viên nâng cao kỹ năng công nghệ thông tin, tăng cường tự học và hoàn thành tốt các nhiệm vụ tự học. Điều đáng mừng là phần lớn sinh viên thích học Xác suất Thống kê theo hình thức học tập kết hợp. Đây là nhân tố đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tính tích cực học tập của người học, góp phần nâng cao hiệu quả học tập.

V. KẾT LUẬN

Bài báo mới dừng lại ở việc nghiên cứu thực trạng, chưa phân tích sự ảnh hưởng của các yếu tố đến kết quả học tập. Tuy nhiên với kết quả 77,1% sinh viên Y khoa năm thứ ba năm học 2022 – 2023 thích thú khi học Xác suất Thống kê theo hình thức học tập kết hợp, bài báo khuyến nghị duy trì và phát huy hình thức học tập kết hợp trong giảng dạy và học tập Xác suất Thống kê đối với sinh viên Y khoa, Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Hơn nữa, để nâng cao hiệu quả dạy và học, bài báo đề xuất một số biện pháp sau: (1) Khuyến khích sinh viên

dành thời gian hơn cho việc tự học môn Xác suất Thống kê nói riêng và các môn học khác nói chung đảm bảo đúng theo quy chế đào tạo tín chỉ - mỗi giờ học trên lớp cần ít nhất 2 giờ tự học; (2) Hỗ trợ sinh viên gặp khó khăn về kỹ năng công nghệ thông tin; (3) Tăng cường các điều kiện đảm bảo cho học tập kết hợp như nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, thiết bị dạy và học; (4) Tăng mạnh kiểm tra, đánh giá đảm bảo việc tự học của sinh viên đạt hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016).** Thông tư Quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng. Số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 4 năm 2016.
2. **Milic, N. M., Trajkovic, G. Z., Bukumiric, Z. M., et al. (2016).** Improving Education in Medical Statistics: Implementing a Blended Learning Model in the Existing Curriculum. PloS one, 11(2), e0148882. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0148882>
3. **Đỗ Thị Hồng Nga, Trương Thị Hồng Thúy và Hà Thị Hằng (2019).** Kết hợp phương pháp dạy học truyền thống và phương pháp dạy học E-learning trong dạy học học phần Xác suất - Thống kê cho sinh viên năm thứ nhất tại trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên. Tạp chí Khoa học & Công nghệ Đại học Thái Nguyên, 198 (5), 9-16.
4. **Ngô Mạnh Tường (2023).** Tìm hiểu kết quả học tập môn học Xác suất thống kê của sinh viên Y khoa Trường Đại học Y Dược Thái Bình khi sử dụng website <http://azota.vn> trong năm học 2022 – 2023. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở Trường Đại học Y Dược Thái Bình.
5. **Bhadri, G.N., & Patil, L.R. (2022).** Blended Learning: An effective approach for Online Teaching and Learning. Journal of Engineering Education Transformations, 35(S1):53-60.
6. **Liu, Q., Peng, W., Zhang, F., et al. (2016).** The Effectiveness of Blended Learning in Health Professions: Systematic Review and Meta-Analysis. Journal of medical Internet research, 18(1), e2. <https://doi.org/10.2196/jmir.4807>